

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 61 /2022/HS -ST

Ngày: 11 - 7- 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Ngọc Bình

Bà Trịnh Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Minh Hiền - Thư ký tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 7 năm 2022 Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 46/2022/TLST- HS ngày 27 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2022/QĐXXST- HS ngày 28 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

Phạm Đăng N, sinh năm 2001; Nơi cư trú: Thôn 10, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đăng D và bà Phạm Thị H; vợ: chưa; tiền án, tiền sự: không. Tạm giữ, tạm giam: không. Bị cáo đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Phạm Văn H - sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 10, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Bá D - sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 7, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

2. Anh Nguyễn Bá S - sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 10, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

3. Chị Phạm Thị T - sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 10, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu sài cá nhân nên khoảng 10 giờ ngày 20/3/2022, Phạm Đăng N nảy sinh ý định trộm cắp tài sản tại xưởng chế biến hải sản của gia đình ông Phạm Văn H (ông H là bác ruột của N) ở thôn 10, xã Q, huyện Q để đem đi bán lấy tiền. N mượn xe đạp của bà ngoại đi đến xưởng chế biến hải sản, đến nơi thấy không có người N để xe ngoài sân rồi đi vào trong tìm kiếm, phát hiện thấy 01 máy bơm nước, 02 máy sục khí dùng bình ắc quy để ở nền sân và 01 máy mô tơ sấy khô; 01 máy sục khí loại lớn; 01 máy sục khí loại nhỏ; 01 cánh quạt 05 cánh để ở gian nhà kho. N lấy 01 máy bơm nước; 02 máy sục khí dùng bình ắc quy mang ra để ở gác xe đạp rồi trở đến nhà vợ chồng ông Nguyễn Bá S và bà Phạm Thị T ở cùng thôn với N làm nghề thu mua sắt vụn bán. Khi đến gặp ông S, N nói "có mấy cái máy của nhà cháu cũ, hỏng không dùng được nữa nên cháu bán sắt vụn, chú có mua không", ông S đồng ý mua, bảo N đặt lên cân được 20kg, giá 10.000đ/kg, được 200.000đ, sau đó N về nhà. Đến 13h30' cùng ngày N lại tiếp tục quay lại xưởng lấy 01 máy sục khí loại lớn để lên xe đạp ra nhà ông S thì gặp bà T ở nhà, N nói "cái máy này nhà cháu cũ, hỏng nên cháu đem đến bán sắt vụn", bà T đồng ý mua với giá 10.000đ/kg, cân được 17kg bằng 170.000đ. Đến 9h ngày 21/3/2022 N tiếp tục quay lại xưởng nhà anh H lấy 01 máy mô tơ sục khí đem đến bán cho bà Thoan được 90.000đ, khi bán N vẫn nói là máy của nhà mình như những lần trước. Khoảng 13h cùng ngày N tiếp tục quay lại xưởng nhà ông H, trên đường đi N gọi Viên Đình D, sinh năm 2000 là bạn ở cùng thôn với N đang điều khiển xe mô tô BKS 36B8-66758 đi chơi nên N gọi D lại nói "bạn đi với tôi ra biển tôi vào nhà bác có tý việc", D đồng ý và đưa xe cho N điều khiển, khi cách Xưởng khoảng 50m thì N dừng xe bảo D đứng ngoài đợi, còn N một mình đi vào lấy 01 máy mô tơ sấy khô, 01 cánh quạt kim loại mang ra chỗ D nói "đồ nhà bác tôi đã cũ hỏng không dùng nữa nên bác ấy cho tôi đem bán sắt vụn, bạn đi với tôi xem chỗ nào mua sắt vụn thì bán". D đồng ý cho N để đồ lên yên xe, sau đó D ngồi sau ôm giữ đồ, còn N điều khiển xe mô tô đến nhà bà T để bán, nhưng gia đình bà T đi vắng, nên N đi đến cửa hàng thu mua sắt vụn của gia đình anh Lê Bá D ở thôn 7, xã Q, huyện Q, đến nơi N đem đồ vào và nói với anh D "anh cho em bán cái máy với cánh quạt nhà em cũ hỏng rồi không dùng nữa", anh D đồng ý mua với giá 400.000đ. Sau khi bán được tài sản trộm cắp N mời D đi ăn uống, số tiền còn lại N tiêu sài cá nhân hết.

Theo báo cáo của ông Phạm Văn H, chiều 21/3/2022 ông phát hiện bị kẻ gian lấy cắp 01 mô tơ sấy khô; 01 máy sục khí to; 01 máy bơm nước; 01 máy sục khí nhỏ; 02 máy sục khí dùng bình ắc quy; 01 cánh quạt sấy khô 05 cánh, tổng trị giá khoảng 15.500.000đ.

Ngày 31/3/2022 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Q định giá số tài sản bị N chiếm đoạt như sau:

- Số tài sản chiếm đoạt ngày 20/3/2022: 01 máy sục khí loại lớn nhãn hiệu SAYI loại 1.5KW đã qua sử dụng có giá trị 2.150.000 đồng; 01 máy bơm nước đã qua sử dụng có giá trị 550.000 đồng; 01 máy sục khí nhỏ nhãn hiệu JET-100, loại 0.75KW đã qua sử dụng có giá trị 550.000 đồng; 02 máy sục khí dùng bình ác quy có giá trị 600.000 đồng

- Số tài sản chiếm đoạt ngày 21/3/2022: 01 mô tơ sấy khô đã qua sử dụng không rõ nhãn mác có giá trị 2.900.000 đồng; 01 cánh quạt kim loại không rõ nhãn hiệu có giá trị 375.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản Phạm Đăng N chiếm đoạt ngày 20 và ngày 21/3/2022 là 7.125.000đ.

Vợ chồng anh Nguyễn Bá S, chị Phạm Thị T; anh Lê Bá D sau khi biết tài sản mua của N là tài sản trộm cắp đã giao nộp vật chứng của vụ án cho công an xã Q, công an xã Q đã chuyển hồ sơ cùng vật chứng của vụ án đến cơ quan CSĐT công an huyện Q để giải quyết theo qui định của pháp luật.

Ngày 25/11/2022 cơ quan điều tra công an huyện Q đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại các tài sản trên cho ông Phạm Văn H, ông H không yêu cầu đề nghị gì về dân sự.

Trong vụ án này vợ chồng anh Nguyễn Bá S, chị Phạm Thị T là người đã mua 01 máy sục khí lớn; 01 máy sục khí nhỏ; 01 máy bơm nước; 02 máy sục khí dùng bình ác quy của Nam với giá 460.000đ. Anh Lê Bá D đã mua 01 máy mô tơ sấy khô; 01 cánh quạt kim loại 05 cánh với giá 400.000đ. Tuy nhiên anh Sánh, chị T, anh D không biết nguồn gốc tài sản trên là do N trộm cắp mà có, do vậy cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với anh S, chị T, anh D. Số tiền bỏ ra mua các tài sản của N; anh S, chị T, anh D không yêu cầu N trả, cũng không yêu cầu đề nghị gì khác.

Đối với Viên Đình D sử dụng xe mô tô BKS 36B8-66758 cùng Nam đi bán tài sản, tuy nhiên D không biết số tài sản đó là do N trộm cắp mà có nên cơ quan điều tra không ra Quyết định thu giữ đối với chiếc xe trên, không có căn cứ xử lý hình sự đối với D.

Chiếc xe đạp N sử dụng để đi trộm cắp tài sản là xe của bà Lê Thị D, sinh năm 1954 ở thôn 10, xã Q, huyện Q (là bà ngoại của Nam), N lấy xe đạp của bà D đi trộm cắp tài sản bà không biết, nên cơ quan điều tra không ra quyết định thu giữ đối với chiếc xe trên.

Tại bản cáo trạng số 70/CT-VKS-QX ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Thanh Hoá truy tố Phạm Đăng N về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Thanh Hoá hoá luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo từ 07 đến 09 tháng tù.

Công nhận bị hại ông Phạm Văn H đã nhận lại tài sản. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Bá S, chị Phạm Thị T không yêu cầu N phải trả lại số tiền là 460.000đ. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Lê Bá D không yêu cầu N phải trả lại số tiền 400.000đ.

Bị cáo lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo qui định của pháp luật.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, lời sau cùng đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Xương, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay: Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cùng các chứng cứ tài liệu khác thu thập được phản ánh trong hồ sơ. Đủ cơ sở chứng minh: Ngày 20 và ngày 21/3/2022 tại thôn 10, xã Q, huyện Q, Phạm Đăng N đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của ông Phạm Văn H gồm: 01 máy sục khí loại lớn nhãn hiệu SAYI loại 1.5KW đã qua sử dụng; 01 máy bơm nước đã qua sử dụng; 01 máy sục khí nhỏ nhãn hiệu JET-100, loại 0.75KW đã qua sử dụng; 02 máy sục khí dùng bình ác quy; 01 mô tơ sấy khô đã qua sử dụng không rõ nhãn mác; 01 cánh quạt kim loại 5 cánh không rõ nhãn hiệu. Tổng giá trị tài sản là 7.125.000đ. Nên tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội và giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ và phù hợp với qui định của pháp luật. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Đăng N có đầy đủ dấu hiệu cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt đ- ọc qui định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3]. Tính chất vụ án: Đây là vụ trộm cắp tài sản đ- ọc thực hiện vào thời điểm ban ngày, bị cáo lợi dụng tài sản không có người trông coi quản lý đã tiếp cận, lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản một cách trái pháp luật. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị

an nơi khu vực, là hành vi nguy hiểm cho xã hội, do vậy phải đ- ọc xử lý nghiêm minh.

[4]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo là người có nhận thức, nhân thân chưa tiền án, tiền sự nhưng cũng chỉ vì muốn có tiền chi tiêu cá nhân đã bất chấp qui định của pháp luật lao vào con đường phạm tội trộm cắp tài sản. Chỉ trong hai ngày bị cáo đã liên tục nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được qui định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng với tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nghĩ nên cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo và nhằm răn đe phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng nên xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo một phần vì thành khẩn khai báo được qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Theo báo cáo của bị hại ông Phạm Văn H tài sản bị N trộm cắp ông đã nhận lại và không có đề nghị hay thắc mắc gì, nghĩ nên công nhận ông Phạm Văn H đã nhận lại tài sản. Đối với số tiền 460.000đ vợ chồng anh Nguyễn Bá S, chị Phạm Thị T đã bỏ ra mua tài sản N trộm cắp và số tiền 400.000đ anh Lê Bá D đã bỏ ra mua tài sản mà N trộm cắp, số tiền này anh Sánh, chị T, anh D không yêu cầu bị cáo N phải trả lại, đây là sự tự nguyện, nghĩ nên chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Bá S, chị Phạm Thị T không yêu cầu N phải trả lại số tiền là 460.000đ. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Lê Bá D không yêu cầu N phải trả lại số tiền 400.000đ.

[6]. Bị cáo lao động tự do, không có thu nhập ổn định, phạm tội ít nghiêm trọng, nghĩ nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 332, Điều 333 BLTTHS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên bố: Phạm Đăng N phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Xử phạt: Phạm Đăng N 07 (bảy) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án

Về dân sự:

- Công nhận ông Phạm Văn H đã nhận lại tài sản.
- Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Bá S, chị Phạm Thị T không yêu cầu bị cáo N phải trả lại số tiền là 460.000đ.
- Chấp nhận sự tự nguyện của anh Lê Bá D không yêu cầu bị cáo N phải trả lại số tiền 400.000đ.
- □n phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000đ.

Ng□ời đ□ợc thi hành án dân sự, ng□ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c□ỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a ,9 của Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án đ□ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ- ợc bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận

- Bị cáo; bị hại;Người có QLNVLQ;
- VKSND huyện Q;;
- Công an huyện Q
- THA DS huyện Q
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Bùi Thị Huyền

